

VĂN TẾ TƯỚNG SĨ TRẬN VONG

Tiền Quân Nguyễn Văn Thành

Mấy lời ghi chú ngắn của Lê-Thụy-Chi:

Để sao chép lại bản "Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong" của Tiền Quân Nguyễn Văn Thành, một án văn chương tuyệt bút của văn học Việt Nam, một số tài liệu chính mà kẻ hậu sinh này, một lòng thành kính, ngưỡng mộ tiền nhân anh hùng trung liệt đã tra cứu, học hỏi gồm có:

1. "Ít bài thơ cổ, vài chuyện cũ"

của Cục Cổ Kỹ Sư Công Chánh Hoàng Đạo Lượng do chính Cục thủ bút công phu ghi chép, trình bày -(viết tay)- và Hội Ái Hữu Công Chánh Việt Nam ấn hành và phổ biến trong nội bộ và cho thân hữu vào năm 1995 ở California.

2. "Việt Nam Sử Lược" của Lê Thần Trần Trọng Kim.

3. Nguyễn Văn Thành - Wikipedia.

Tóm lược:

Nguyễn Văn Thành, 1758-1817 là một bậc nho tướng, văn võ tài lược. Ngài là một trong những vị khai quốc công thần chính của Chúa Nguyễn và Triều Nguyễn.

Những chức vụ lớn mà Tiền Quân Nguyễn Văn Thành đã từng được Chúa Nguyễn Phúc Ánh và sau này là Vua Gia Long giao phó gồm có:

-1801 lãnh ấn Khâm Sai Chưởng Tiền Quân Bình Tây Đại Tướng, trước Quận Công.

-1802 được Vua phong chức Tổng Trấn Bắc Thành. -(để lo chính đốn lại toàn bộ Bắc Hà và xây dựng lại thành Thăng Long.).

- cũng trong năm 1802 được tạm triệu về triều để lo việc chủ tế lễ truy điệu tướng sĩ trận vong tại Thuận Hóa (Huế).

-1810 từ Bắc Hà lại được Vua triệu về kinh lãnh ấn Trung Quân và chức tổng tài trong việc soạn Bộ Luật Hoàng Việt Luật Lệ (thường được gọi là Bộ Luật Gia Long).

-1812 Tiền Quân Nguyễn Văn Thành lại được Vua giao chức tổng tài trong việc biên soạn Bộ Quốc Triều Thực Lục

(Hoàng Việt Luật Lệ và Quốc Triều Thực Lục

là hai công trình văn hóa quan trọng của Triều Nguyễn.).

Di tích của Tiền Quân Nguyễn Văn Thành:

- Tượng thờ tại đại nội Huế (từ năm 1817).

- Đền thờ tại xã Tân An, thị xã Thủ Dầu Một (Bình Dương), được xây dựng từ năm 1820.

- Lăng mộ của "Việt Cổ Khâm Sai Chưởng Trung Quân Bình Tây Đại Tướng Quân Thành Quận Công" hiện an vị ở xã Thủy Phương, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên - Huế.

- Ngày giỗ hằng năm vào ngày rằm, tháng mười một âm lịch.

Trở lại bài tuyệt bút "Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ":

- Bài văn tế bi hùng có một không hai trong văn học Việt Nam đã được Tiền Quân lấy cái thâm tình của một võ tướng còn sống sót mà vinh danh công trạng và thổ lộ tấm lòng thành khẩn thương tiếc đến tướng sĩ anh hùng bằng lời thống thiết, bi tráng và hùng hồn.

- "Khi Tiền Quân Nguyễn Văn Thành đọc bài văn tế trên, do sự giao hòa tự nhiên của trời đất mà sách còn chép rằng, chung quanh đài lễ mây mù khói nổi, vang vọng tiếng gươm đao chát chúa và tiếng ngựa hí cuồng. Trên không trung, ừng luồng gió rít ngang, nghe mơ hồ tiếng than vãn nhớ thương lẫn tiếng chân người rầm rập đi qua.

Khi bài văn tế kết thúc, trời quang, mây mù tan hết, cảnh vật chung quanh trở nên ửng lửng như cũ. Phải chăng đây là oan hồn của bao binh lính và lương dân đã bỏ mình trong chiến trận, hiển linh nghe bài văn tế giải oan cho họ." (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba - "Chén rượu rót đầu ghềnh của Tiền Quân Nguyễn Văn Thành" - Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo - 2011.).

.....

Kèm theo dưới đây là bài "Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong" của Tiền Quân Nguyễn Văn Thành:

Lê-Thụy-Chi

Văn tế tướng sĩ trận vong

Than ôi! Trời Đông Phố vùn ra Sóc Cảnh ^[2], trải bao phen gian hiểm mới có ngày nay; nước Lô hà chảy xuống Lương giang ^[3], nghĩ mấy kẻ điêu linh ^[4] những từ thuở nọ, cho hay sinh là ký mà tử là quy; mới biết mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

*Xót thay! Tình dưới viên mao ^[5], phận trong giới trụ ^[6].
Ba nghìn hộp con em đứt Bái ^[7], cung tên ngang dọc chí nam nhi;
hai trăm vây cờ cõi non Kỳ ^[8], cờ m áo nặng đầy ơn cứu chủ.*

Dấn thân cho nước, son sắt một lòng; nối nghĩa cùng thầy, tuyết sơn mấy độ.

Kẻ thời theo cơ đích ^[9] chạy sang miền khách địa, hăm hở mài nanh giữa vuốt, chỉ non Tây thề chửi ngạo trời chung;

kẻ thời đón vết mao ^[10] trở lại chốn sa cơ, đập diu vén cánh nường vẫy,
trông coi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật ^[11], chung nỗi ân ưu;
mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.

Trước từng trái Xiêm La, Cao Miên về Gia Định mới dần ra Khánh,
Thuận ^[12], đã mấy buổi sơn phong hải lễ ^[13], trời Cao, Quang ^[14] soi tỏ
tấm kiên trinh, rồi lai từ Đồn Bàn, Nam, Ngãi lấy Phú Xuân mà thẳng tới
Thăng Long ^[15], biết bao phen vũ pháo vùn thê ^[16], đất Lũng, Thục ^[17] lặn
vào nơi hiểm cố.

Phận truy tùy, ngấm lại cũng cơ duyên;
trường tranh đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giết cò trong trận, xót lẽ gan vàng mà
mệnh bạc, nắm lông hồng ^[18] theo đạn lạc tên bay;
kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữ a dòng, thương thay phép
trọng để thân khinh, phong da ngựa a ^[19] mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng sĩ biết đâu miền minh mạt ^[20], mịt mù gió lốc, thổi dẫu tha
hương ^[21];
mặt chinh phụ khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa trời, soi chùng cố độ ^[22].

Ôi!
Cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu ^[23],
nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ ^[24].

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã trăm rèn mới có, nợ
áo cơm phải trả đến hình hài;
những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch cầu ^[25] xem nửa phút như
không, ơn đầy đội cũng cam trong phế phủ ^[26].

Phận dù không gác khói đài mây ^[27];
danh đã dậy ngàn cây nội cỏ.

Thiệt vì thuở theo cò trước gió, thân chủ quản ngàn sương đặm giá,
những chờ xem cao thấp bức cân thường ^[28];
tiếc cho khi lỡ bước giữa a dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy
ít nhiều ơn Vũ lộ ^[29].

Vàng thượng đức hồi loan ^[30] tháng trước, đoàn ứng nghĩa dẫn Quảng,
Thuận, Nghệ, Thanh ^[31] cũng vậy, giới ân quang gieo khắp xuống đèo
Ngang;

mà những người từng thượng trận ngày xưa, đắp tấu công tự ngộ, vị,
thân, dậu ^[32] đến giờ, treo tính tự để nằm trong lá số.

Ngọn còi rúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui;
đập trống đồn hoa; chốn tươi chốn ủ.

Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt,
cái sinh không, cái tử cũng là không; nhưng tiếc cho tào hóa khéo vô tình,
ngàn năm một hội tao phùng, phân thủy có phận chung sao không có ^[33].

Bản chức nay,
vàng việc biên phòng,
chạnh lòng niềm viễn thú.

Dưới trường nước mùi chung đỉnh, sực nhớ khi chén rượu rót đầu
ghềnh;

trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi tắm cừu vung trước gió.

Bâng khuâng kẻ khuất với người còn;

tưởng tượng thầy đầu thì tở đó.

Nền phủ định ^[34] tới đây còn xúc nổi, vu lòng một lễ, chén rượu thoi vàng;
chữ tương đồng ngấm lại vốn đỉnh ninh, khắp mặt ba quân, cờ đào nón
đỏ, có cảm thông thì tới đó khuyên mời; dù linh thỉnh hãy nghe lời dặn
đỡ.

Buổi chinh chiến hoặc oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước người sau,
hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tấu biểu dương cho;
hội thắng bình đưng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ
góa, con cô, an tập hết, cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn phách đâu đều ngày tháng Thuấn, Nghiêu ^[35];
hài cốt đó cũng nước non Thang, Vũ ^[36].

Cơ huyền diệu ^[37] hoặc thâm trầm chưa rõ, thiêng thờ về cố quận, để
hương thơm lửa sáng, kiếp tái sinh lại nhận cửa tiền quân ^[38];
niềm tôn thân dù sinh tử chớ nề, linh thờ hộ Hoàng triều cho bể lạng
sóng trong, duy vạn kỷ chưa đời ngôi bảo tộ ^[39].

♦ Nguyễn Văn Thành

Chú thích cuối trang

1. ▲ Có ý kiến cho rằng bài này do Nguyễn Huy Lượng viết, có ý kiến cho là của Đặng Đức Siêu, nhưng đều chưa có bằng chứng xác đáng (Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập III, Nxb Văn học, 1978, tr.592).
2. ▲ Đông Phố là tên cũ thành Gia Định; Sóc Cảnh là cội Bắc; ý nói từ [Gia Định](#) ra tới Bắc Hà ([Hà Nội](#)).
3. ▲ Lô hà nhất danh là sông Tuyên, chảy qua Tuyên Quang, rồi đổ xuống sông [Nhị hà](#). Lương giang tức là Phú Lương giang tên cũ sông Nhị hà.
4. ▲ [Điều linh](#) là tàn rụng, chỉ những người chẳng may chết trận.
5. ▲ Viên là viên môn, cửa dinh (doanh) quan đại tướng; mao là cờ tiết mao, hiệu lệnh trong quân.
6. ▲ Giới trụ là áo giáp, mũ trụ của tướng sĩ.
7. ▲ Vua [Hán Cao Tổ](#) ở bên Tàu khi khởi binh ở ấp Bái, hợp con em ba nghìn người; đây ví những người theo đức Gia Long cũng khảng khái như bọn quan sĩ vua Hán Cao Tổ vậy.
8. ▲ Tên núi ở tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, có tiếng là hiểm trở, chỉ hai trăm người địch nổi hai nghìn người; vua Văn Vương nhà Chu sáng nghiệp ở đây; đây sánh những người theo vua Gia Long cũng hăng hái như bọn quân sĩ vua Chu Văn Vương vậy.
9. ▲ [Cơ đích](#) là hàm thiếc dây cương, ý nói theo vua giữ ngựa. Đây là nói hời vua Gia Long bị quân Tây Sơn đánh thua phải trốn sang Xiêm La.
10. ▲ [Việt mao](#) là cái phủ Việt và cờ tiết mao. Đây là nói hời vua Gia Long từ Xiêm về thu phục được thành Gia Định.
11. ▲ Điển cũ; vua [Câu Tiễn](#) nước Việt khi mất nước thường nằm trên gai, nếm mật đắng để nghĩ kế khôi phục; ý nói chịu nổi khổ sở.
12. ▲ Là Thanh Hóa và Bình Thuận.
13. ▲ Sơn phong là gió núi; khi đức Gia Long đóng ở đảo Côn Lôn, quân Tây Sơn chột đến vây nguy cấp lắm, bỗng dựng trời nổi bão tố, thuyền Tây Sơn đắm cả, vua mới thoát vây. Hải lễ là nước ngọt ở bể; khi vua Gia Long đương phải chạy trốn ở ngoài bể, hết cả nước ngọt uống, vua mới khẩn trời, chột thấy ở dưới bể có dòng nước ngọt, múc nước uống mới khỏi khát.
14. ▲ Đây ví vua Gia Long cũng như vua Hán Cao Tổ và Hán Quang Vũ là hai ông vua sáng nghiệp trung hưng ở bên Tàu.
15. ▲ Đồn Bàn là kinh đô cũ của người Chiêm Thành, tức là thành Bình Định, Nam, Ngãi là Quảng Nam và Quảng Ngãi, Phú Xuân là Huế, Thăng Long là Hà Nội.
16. ▲ Là đạn nhiều như mưa, thang cao giáp mây.
17. ▲ Đây ví các thành tỉnh ấy cũng hiểm cố như đất Lũng là Lũng Tây (ở tỉnh Thiểm Tây) và đất Thục là Tứ Xuyên ở bên Tàu.
18. ▲ Điển cũ: Lời [Tư Mã Thiên](#) nói: "Người ta ai cũng chết mà cái chết có người nặng như [núi Thái](#), cũng có người nhẹ như nắm lông hồng"
19. ▲ Điển cũ: Lời Mã Viện nói: "Đấng tài trai nên chết ở nơi chiến trận lấy da ngựa bọc thân"; ý nói chết ở chiến trường.

20. ▲ Là nói tối tăm mệnh mang.
21. ▲ Là nơi đất khách quê người.
22. ▲ Là chỗ bến đò ngày xưa.
23. ▲ Đoản là ngắn, tu là dài, ý nói kẻ chết non người sống lâu.
24. ▲ Kim là người đời nay, người còn sống, cổ là người đời xưa, người đã chết.
25. ▲ Bóng bạch câu: Điển cũ: đời người thắm thoát như bóng ngựa trắng chạy qua cửa sổ thoáng mắt đã mất; ý nói số mệnh các tướng sĩ ngắn ngủi.
26. ▲ Phế phủ là buồng phổi và phủ tạng trong người.
27. ▲ Điển cũ: vua Đường Thái Tôn bên Tàu vẽ hình công thần treo ở Yên các (gác khói), vua Hán Minh Đế vẽ tranh công thần treo ở Vân đài (đài mây); ý nói tuy không được vinh dự như các bậc công hầu danh tướng.
28. ▲ Có công được thêu tên vào cờ cân cờ thường.
29. ▲ Là ơn vua ví như mưa móc thấm nhuần.
30. ▲ Nói xe vua trở về; đây nói vua Gia Long khi đã lấy Bắc Hà rồi trở về Phú Xuân.
31. ▲ Là bốn tỉnh Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi). Thuận Hóa, Nghệ An và Thanh Hóa.
32. ▲ Từ năm 1798 đến năm 1801.
33. ▲ Thủy là lúc đầu, chung là lúc cuối. Ý nói lúc hoạn nạn thì còn sống mà đến lúc thái bình thì đã thác rồi.
34. ▲ Theo chữ (can qua phủ định) việc đánh dẹp vừa yên.
35. ▲ Là vua Nghiêu vua Thuấn bên Tàu, hai đời vua thái bình sánh với đời vua Gia Long.
36. ▲ Là vua Thang vua Vũ hai đời vua thịnh trị bên Tàu sánh với đời vua Gia Long.
37. ▲ Máy trời đất xoay vần bí mật và thần diệu.
38. ▲ Ý nói: Nếu sống lại kiếp sau thì nên đến cửa dinh tiền quân mà nhận.
39. ▲ Ý nói: nếu có khôn thiêng thì nên phù hộ nhà vua được thái bình để ngôi vua (ngôi bảo tộ) truyền mãi đến muôn đời về sau.